TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2023/HS-ST
Ngày 06/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Vũ Văn Hợp**

2/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023, về tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST–HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: không); sinh ngày 15/12/1994 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 14/1B Nguyễn Văn C, Khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh G; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Thu A, sinh năm 1973; Vợ tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1994 (Không đăng ký kết hôn); Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2/ Nguyễn Thị Mỹ D (tên gọi khác: không); sinh ngày 06/4/1994 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 120/1 Trần Khánh D, phường H, thành phố G, tỉnh G; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; Chồng tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994 (Không đăng ký kết hôn); Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: **Công ty cổ phần vận tải thủy bộ G**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Chí H- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn L, sinh năm 1992- Chức vụ: Nhân viên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: ấp T, xã T, huyện R, tỉnh G;

Nơi ở hiện nay: 184 Cao T, khu phố 4, phường L, thành phố G, tỉnh G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Vũ Mạnh H1**, sinh năm 1983;

HKTT: số 9, Ngách 454/31 đường Minh K, phường T, quận T, thành phố N.

Nơi ở hiện tại: 33/10 Gò Dầu, phường Q, quận P, thành phố M (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H2**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: 209 Nguyễn Văn T, phường L, thành phố G, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994 (*trú tại 14/1B Nguyễn Văn C, Khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh G*) làm việc tại Công ty Vận tải Thủy bộ G, đến ngày 04/10/2022 thì H nghỉ việc. Vào khoảng 19 giờ 45 phút ngày 07/10/2022, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave anpha màu trắng, biển số 68S1-598.28 chở bạn gái là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1994 (*trú tại 120/1 Trần Khánh D, phường H, thành phố G, tỉnh G*) đến kho hàng của Công ty Vận tải Thủy bộ G thuộc ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh G để lấy cục sạc điện thoại của H để quên trước đó. Khi đến kho hàng, H mở khóa bước vào nhưng không thấy cục sạc của H, H thấy 01 gói hàng mà Công ty nhận vận chuyển cho khách hàng (*Vũ Mạnh H1 từ thành phố Hồ Chí Minh gửi cho Bùi Đình T ở tỉnh Kiên Giang*). H mang gói hàng ra ngoài, khóa cửa kho rồi đưa gói hàng cho D cầm. D hỏi H gói hàng của ai, H nói là đồ của H. Sau đó, H điều khiển xe chở D đi về, đến cầu An Hòa, H dừng xe mở gói hàng, thấy bên trong có 04 chiếc điện thoại Iphone 11 đã qua sử dụng (02 cái màu trắng và 02 cái màu tím). Lúc này, D biết H lấy hàng của Công ty, D hỏi sao lấy đồ của người ta, H nói tại ghét công ty. Sau đó, H ném vỏ gói hàng xuống sông, đưa 04 chiếc điện thoại H bỏ vào túi xách của D, rồi chở D về nhà của H.

Đến khoảng 10 giờ ngày 08/10/2022, H lấy cái Iphone 11 64 GB màu trắng số IMEL 352907115190373 cùng với D đem đến tiệm điện thoại H3 Alo địa chỉ 82A, Nguyễn Trung T, phường L, thành phố G, tỉnh G bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2 giá 7.000.000 đồng. D lấy tiền bỏ vào túi xách của D rồi đi về nhà cùng H. Sau đó, H lấy tiền đi trả nợ của H.

Đến khoảng 11 giờ ngày 09/10/2022, H tiếp tục lấy 01 chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu trắng số IMEL 352907118279322 cùng D đem đến tiện điện thoại H3 Alo như trên để bán, lần này H và D gặp ông Phạm Văn H3, bán cho ông H3 với giá 6.500.000 đồng. D lấy tiền bỏ vào túi xách cùng H đi về nhà H. H lấy tiền đi trả nợ.

Đến ngày 12/10/2022, H bị Công an xã H mời làm việc, H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản; đồng thời, giao nộp 02 chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu tím.

Tại Bản Kết luận về việc định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS, ngày 31/10/2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận:

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu tím số máy MWK52LL/A, số sê ri C6KZKTLHN72N, số IMEL 353981106223633, IMEL2 353981106271301, đã qua sử dụng, trị giá 7.633.000 đồng;

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu tím số máy MWK52LL/A, số sê ri C8PCPX3PN72N, số IMEL 352909113990127, IMEL2 352909113830711, đã qua sử dụng, trị giá 7.633.000 đồng;

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu trắng số IMEL 352907115190373, đã qua sử dụng, trị giá 7.633.000 đồng;

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu trắng số IMEL 352907118279322, đã qua sử dụng, trị giá 7.633.000 đồng.

Tổng tài sản bị thiệt hại trị giá 30.532.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Mỹ D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

**** Về vật chứng thu giữ trong vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã thu giữ:

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu tím số máy MWK52LL/A, số sê ri C6KZKTLHN72N, số IMEL 353981106223633, IMEL2 353981106271301, đã qua sử dụng, trị giá 7.633.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu tím số máy MWK52LL/A, số sê ri C8PCPX3PN72N, số IMEL 352909113990127, IMEL2 352909113830711, đã qua sử dụng, trị giá

7.633.000 đồng. Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại nêu trên do bị cáo H và bị hại thỏa thuận xong, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả cho bị cáo H.

- Đối với 02 chiếc điện thoại Iphone 11 64GB màu trắng H và D đã bán cho tiệm điện thoại H3 Alo, chủ tiệm đã bán cho người khác nên không thu giữ được.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo H, Công ty vận tải Thủy bộ G và ông Vũ Mạnh H1 là chủ sở hữu tài sản đã tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm dân sự. Bị cáo H đã bồi thường cho ông Vũ Mạnh H1 số tiền 30.000.000 đồng các bên không ai yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Phạm Văn H4 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 là người đã mua điện thoại của H và Duyên đem bán, do ông H4 và bà H3 không biết điện thoại là tài sản do H trộm được nên không có hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-CT ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Thanh H** phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D** về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đề nghị HĐXX áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 07/10/2022, Nguyễn Thanh H lấy trộm của Công ty Vận tải Thủy bộ K 01 gói hàng do Công ty nhận vận chuyển cho khách hàng. Khi mở gói hàng thì bên trong có 04 chiếc điện thoại di động Iphone 11, lúc này Nguyễn Thị Mỹ D là bạn gái của H biết H lấy trộm tài sản của Công ty. Vào ngày 08 và 09/10/2022, H cùng D đi đến tiệm điện thoại H3 Alo để bán điện thoại, Duyên nhận tiền để vào trong túi xách của Duyên. Về đến nhà, Hưng lấy hết tiền để đi trả nợ. Đến ngày 12/10/2022, Hưng bị Công an xã mời làm việc. Hưng đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của Công ty. Duyên thừa nhận biết điện thoại là Hưng trộm của Công ty nhưng vẫn cùng Hưng đem điện thoại đi bán lấy tiền đưa Hưng trả nợ. Đồng thời, giao nộp cho cơ quan công an 02 chiếc điện thoại Iphone 11 màu tím. Kết luận định giá, 04 chiếc điện thoại Iphone 11 do Hưng trộm được tại thời điểm xâm hại có giá trị 30.532.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ….".*

Đồng thời tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự thì "*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*"

Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm điện thoại có giá trị 30.532.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh Hưng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và việc bị cáo Duyên không hứa hẹn trước mà biết rõ tài sản do bị cáo Hưng trộm mà có nhưng vẫn chứa chấp và tiêu thụ "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi các bị cáo là người trưởng thành nên có đủ nhận thức biết rỏ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động muốn

hưởng thụ trên tài sản của người khác mà không phải mất sức lo động nên khi quay lại kho hàng của Công ty Vận tải Thủy bộ G, quan sát không có người quản lý kho thì H đã dùng chìa khóa rớt góc kẹt cửa kho mà H đã nhìn thấy trong quá trình làm thuê cho Công ty để mở khóa vào kho lấy cục sạc điện thoại nhưng khi vào kho H nhìn thấy gói hàng mà Công ty nhận vận chuyển cho khách hàng nên H đã nảy sinh ý định lấy trộm gói hàng mang ra ngoài và đưa cho Duyên cầm mang đi. Còn đối với bị cáo D sau khi phát hiện bị cáo H lấy trộm tài sản của Công ty đã không ngăn chặn hành vi của H mà sau đó còn cùng Hưng lấy 02 chiếc điện thoại đi bán lấy tiền cho H trả nợ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân tại địa phương, gây mất an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án. Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo Hưng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

- Đối với bị cáo D: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo là phụ nữ đang mang thai nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Mặc khác bị cáo có nơi cư trú rỏ ràng nên HĐXX đối chiếu Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo H, Công ty vận tải Thủy bộ G và ông Vũ Mạnh H1 là chủ sở hữu tài sản đã tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm dân sự. Bị cáo H đã bồi thường cho ông Vũ Mạnh H1 số tiền 30.000.000 đồng xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H **09 (chín) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (một)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Mỹ D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong